

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/DS-ST

Ngày: 08 - 5 - 2019

V/v: “Tranh chấp về hợp đồng dân
sự vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Xuân Thủy.

2. Bà Huỳnh Thị Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Ngọc Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2019, về việc: “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST-DS, ngày 25 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm: 1961;

Địa chỉ: Xóm 5, thôn 1, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận. (Có mặt)

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm: 1993;

Địa chỉ: Xóm 5, thôn 1, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận. (Vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông **Hoàng Liên S**, sinh năm: 1961;

Địa chỉ: Xóm 5, thôn 1, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận. (Có mặt)

2/ Anh **Lê Thanh T**, sinh năm: 1987;

Địa chỉ: Địa chỉ: Xóm 5, thôn 1, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 18/02/2019, các bản khai có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay, thì:

Bà D là di ruột của chị Nguyễn Thị L và chị L có hỏi vay tiền của bà D để mua đất rẫy canh tác.

Nên vào ngày 14/11/2018 (*âm lịch*), bà D cho chị L vay số tiền là: 100.000.000 đồng với mục đích để vợ chồng chị L mua đất rẫy, các bên không thỏa thuận về lãi suất. Đến ngày 27/11/2018 (*âm lịch*), chị L tiếp tục hỏi vay thêm số tiền là: 20.000.000 đồng với mục đích để chị L làm thủ tục giấy tờ mua đất rẫy, có thỏa thuận miệng với nhau về thời hạn trả nợ là 03 ngày sẽ trả toàn bộ số tiền 120.000.000 đồng, không thỏa thuận về lãi suất.

Tổng cộng bà D cho vợ chồng chị L vay hai lần là 120.000.000 đồng (*một trăm hai mươi triệu đồng*), các lần vay tiền trên, chị L có viết giấy vay tiền để giao cho bà D làm bằng chứng.

Số tiền bà D cho vợ chồng chị L vay có nguồn gốc là tài sản chung của vợ chồng bà D và ông Hoàng Liên S.

Kể từ ngày 05/12/2018 âm lịch cho đến nay, bà D nhiều lần yêu cầu vợ chồng chị L phải trả nợ cho vợ chồng bà, nhưng chị L trình bày do làm ăn thua lỗ và xin trả dần mỗi tháng với số tiền là: 2.000.000 đồng (*hai triệu/ tháng*) nên bà D không đồng ý.

Nay bà D yêu cầu Hội đồng xét xử, xử buộc vợ chồng chị L và anh Nguyễn Thanh T phải trả cho vợ chồng bà D số tiền nợ gốc là: 120.000.000 đồng, trả một lần hay trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng.

Bà D không yêu cầu vợ chồng chị L phải chịu lãi suất của số tiền nợ gốc 120.000.000 đồng, vì chỗ con cháu trong nhà.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, gồm:

1. Bản chính Giấy vay tiền do chị Nguyễn Thị L viết đề ngày 14/11/2018 (*âm lịch*);
2. Bản chính Giấy ghi nhận của chị Nguyễn Thị L đề ngày 27/11/2018 (*âm lịch*);
3. Bản chính Biên bản làm việc của UBND xã G đề ngày 29/01/2019.

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như các lời khai trong hồ sơ vụ án, thì:

Chị thừa nhận có vay tiền của bà Nguyễn Thị D hai lần với tổng số tiền là: 120.000.000 đồng (*một trăm hai mươi triệu đồng*) vào các ngày 14/11/2018 (*âm lịch*), vay số tiền 100.000.000 đồng và ngày 27/11/2018 (*âm lịch*), vay số tiền 20.000.000

đồng, các lần vay tiền thì chị đều có viết giấy vay và thỏa thuận lãi suất bằng miệng với nhau là: 60.000 đồng/1 triệu/tháng.

Mục đích vay tiền của bà D là để trả nợ lại cho người khác, không có đầu tư mua đất rẫy gì cả.

Nay bà D khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị trả số tiền nợ 120.000.000 đồng, thì chị đồng ý trả, nhưng xin vợ chồng bà D cho phép chị trả dần mỗi tháng là 1.000.000 đồng, cho đến khi trả hết nợ gốc cho vợ chồng bà D.

Bởi vì, bản thân chị không có tài sản, không có nghề nghiệp ổn định và hiện nay hoàn cảnh kinh tế gia đình chị đang gặp khó khăn.

Số tiền chị vay của bà D chồng chị là anh Nguyễn Thanh T không biết nên không liên quan đến anh Nguyễn Thanh T.

Mục đích vay tiền của bà D là để làm ăn buôn bán trên mạng xã hội, nhưng thất bại dẫn đến việc nợ nần nên chị xin chịu trách nhiệm cá nhân đối với việc trả nợ cho vợ chồng bà D.

Chị L không cung cấp bất kỳ chứng cứ nào, để chứng minh cho lời khai nại của mình là có căn cứ pháp L.

Theo bản tự khai có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của ông Hoàng Liên S tại phiên tòa hôm nay, thì:

Ông là chồng hợp pháp của bà Nguyễn Thị D, về số tiền bà D cho cháu của bà tên là Nguyễn Thị L vay là tài sản chung của vợ chồng ông.

Ông thống nhất toàn bộ ý kiến trình bày và yêu cầu của bà D, là buộc vợ chồng Nguyễn Thị L và Nguyễn Thanh T phải trả cho vợ chồng ông số tiền vay là 120.000.000 đồng nợ gốc, không yêu cầu tính lãi suất số tiền này.

Theo biên bản lấy lời khai có trong hồ sơ vụ án, thì anh Nguyễn Thanh T trình bày:

Anh T là chồng hợp pháp của chị Nguyễn Thị L, việc vợ anh vay mượn tiền của bà Nguyễn Thị D như thế nào và dùng vào mục đích gì, anh hoàn toàn không biết nên vợ anh phải có trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng bà D, anh không có trách nhiệm liên đới trả nợ.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần, nhưng không có kết quả.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ các quy định về pháp luật tố tụng dân sự;

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử;

- Việc chấp hành pháp luật của đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ đương sự theo Bộ luật dân sự tố tụng dân sự;

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D. Buộc vợ chồng chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Thanh T phải có trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị D, ông Hoàng Liên S số tiền vay gốc là 120.000.000 đồng. Vợ chồng bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự cho nguyên đơn.

Các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm: 02 giấy vay tiền (bản chính) và 01 biên bản làm việc tại Ủy ban nhân dân xã G (bản chính) kèm theo đơn khởi kiện của nguyên đơn; các bản tự khai, biên bản lấy lời khai của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất với nhau: Về số tiền vay gốc là 120.000.000 đồng.

Các tình tiết mà các bên không thống nhất với nhau: Về phương thức trả nợ và trách nhiệm trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh T vắng mặt lần thứ hai không có L do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về quan hệ pháp luật:* Nguyên đơn yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thanh T phải trả cho nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Liên S số tiền vay gốc là 120.000.000 đồng, được xác lập bằng giấy viết tay vào các ngày 14/11/2018 và 27/11/2018 (*âm lịch*), không yêu cầu lãi suất.

Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D yêu cầu bị đơn chị Nguyễn Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan anh Nguyễn Thanh T phải trả cho vợ chồng nguyên đơn số tiền nợ gốc là: 120.000.000 đồng (*một trăm hai mươi triệu đồng*).

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cũng như lời khai tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đều công nhận với nhau tổng số tiền vay hai lần là: 120.000.000 đồng, cụ thể:

Ngày 14/11/2018 (*âm lịch*), chị Nguyễn Thị L vay của bà Nguyễn Thị D số tiền 100.000.000 đồng.

Ngày 27/11/2018 (*âm lịch*), chị Nguyễn Thị L tiếp tục vay của bà Nguyễn Thị D số tiền 20.000.000 đồng.

Trong các lần vay tiền trên, chị L đều viết giấy nợ cho bà D nội dung thể hiện rõ số tiền vay, thời hạn vay và thời hạn trả nợ là khi nào bà D có yêu cầu thì chị L phải trả tiền đã vay, không thỏa thuận lãi suất.

Đây là loại hợp đồng vay không kỳ hạn, được quy định tại khoản 1 điều 469 Bộ luật dân sự 2015. Đối với loại hợp đồng này, thì bên cho vay có quyền yêu cầu bên vay phải trả tiền và bên vay cũng có quyền trả nợ bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước với nhau một thời gian hợp L, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Tuy nhiên, từ ngày 05/12/2018 (*âm lịch*), bà D đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng chị L trả nợ, nhưng đến nay vợ chồng chị L vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với vợ chồng bà D.

Xét thấy, việc vay tiền giữa các bên là tự nguyện thỏa thuận của các bên, đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn thừa nhận có vay tiền của nguyên đơn hai lần tổng số tiền là: 120.000.000 đồng. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ để chấp nhận.

Về lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Liên S không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nợ gốc nêu trên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về nghĩa vụ trả nợ của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Xét thấy, tại thời điểm giao dịch vay chỉ có cá nhân bị đơn chị Nguyễn Thị L đi vay tiền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D. Theo nguyên đơn khai mục đích cho vay tiền là để vợ chồng bị đơn mua rẫy canh tác và vay thêm tiền làm thủ tục giấy tờ.

Trong quá trình giải quyết, bị đơn chị Nguyễn Thị L thì khai mục đích vay tiền là dùng để trả nợ cho người khác do trước đây làm ăn thua lỗ, thất bại.

Xét thấy, việc vay mượn được diễn ra nhiều lần và vay một số tiền lớn, lời khai của bị đơn trong hồ sơ vụ án xác nhận việc mượn tiền cũng xuất phát từ việc làm ăn buôn bán, đảm bảo nhu cầu thiết yếu của gia đình.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định “*vợ, chồng phải có trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện...*”. Do đó, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh T phải có trách nhiệm liên đới cùng bị đơn chị Nguyễn Thị L trả nợ chồng bà Nguyễn Thị D, ông Hoàng Liên S trả số tiền nợ nêu trên.

[4] *Về án phí*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên vợ chồng bị đơn phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Các điều 357, 463, 466, 468 và Điều 469 Bộ luật dân sự 2015.

- Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D.

Buộc vợ chồng chị Nguyễn Thị L - anh Nguyễn Thanh T phải có trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị D – ông Hoàng Liên S tổng số tiền vay là 120.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi triệu đồng*).

Chia phần chị L, anh T mỗi người phải trả cho vợ chồng bà D, ông S số tiền là 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí: Vợ chồng chị Nguyễn Thị L – anh Nguyễn Thanh T phải liên đới nộp 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Chia phần chị L, anh T mỗi người phải nộp 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền 3.000.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà D đã nộp theo biên lai số 0013129 ngày 18/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Liên S có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08/5/2019).

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh T vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án có hiệu lực được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÂM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hiệp

CÁC HỘI THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hiệp